

UBND TỈNH CÀ MAU  
CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN

---

---

**BÁO CÁO**  
**CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA DOANH NGHIỆP**  
**NĂM 2016**



THÁNG 04 NĂM 2017

**PHỤ LỤC I**  
**THÔNG BÁO NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
( Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP  
ngày 18 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ)

**CÔNG TY TNHH MTV**  
**LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN**  
**MST: 2000503134**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số : 14.

Tam Giang Tây, Ngày 23 tháng 5. năm 2018

Kính gửi : - UBND tỉnh Cà Mau  
- Cục Phát triển Doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)  
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau

Tên giao dịch của doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển

Mã số doanh nghiệp: 2000503134

Địa chỉ liên lạc: Ấp Tân Tạo A, xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0290.2214218, Email: [ctylnngochien@gmail.com](mailto:ctylnngochien@gmail.com)

Website: [congtylamnghiepngochien.com](http://congtylamnghiepngochien.com)

Sau đây chứng nhận: Ông (bà): Đinh Văn Điền

Điện thoại liên hệ: 0917877199 , Email: [dinhdien79@gmail.com](mailto:dinhdien79@gmail.com)

Chức vụ tại doanh nghiệp: Kế toán trưởng

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển được giao thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp năm 2016./.



**GIÁM ĐỐC**

*Trần Ngọc Thảo*

UBND TỈNH CÀ MAU  
CÔNG TY TNHH MTV  
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tam Giang Tây, ngày 14 tháng 6 năm 2017

Số : 40./CV-Cty

Về việc Công bố Kế hoạch sản xuất  
kinh doanh và đầu tư phát triển  
năm 2017 và ba (03) năm trước

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Nghị định: 81/2015/NĐ-CP, ngày 18 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Công văn số 3353/UBND-KT ngày 03 tháng 05 năm 2017 của UBND tỉnh Cà Mau về việc Công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 12 tháng 06 năm 2017 của UBND tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến Công bố báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017 và ba (03) năm trước theo nội dung tại Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VIII của Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 09 năm 2015 (kèm theo Phụ lục), gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước theo quy định hiện hành.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến kính trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP./.

Địa chỉ liên hệ: Phòng TC-KT  
Điện : 0917877199

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu .



Trần Ngọc Thảo

Số : 27./BC-Cty

Tam Giang Tây, Ngày 25 tháng 07 năm 2017

## BÁO CÁO

Về việc Thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp

Kính gửi : - UBND tỉnh Cà Mau  
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau

Căn cứ Nghị định: 81/2015/NĐ-CP, ngày 18 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước;

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển xin báo cáo thực hiện công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017; Đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và ba (03) năm gần nhất. Riêng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm của doanh nghiệp, Công ty đang thực hiện chủ trương cổ phần hóa, đang thực hiện đánh giá, giá trị doanh nghiệp để làm cơ sở xây dựng phương án cổ phần hóa.

Trên đây là nội dung báo cáo của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển về thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp Nhà nước. *K.T*

Nơi nhận :

- Như trên ;
- Lưu VP.



*Trần Ngọc Thảo*

## PHỤ LỤC IV

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017  
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

UBND TỈNH CÀ MAU  
CÔNG TY TNHH MTV  
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tam Giang Tây, ngày 25 tháng 1 năm 2017

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017 đã được UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt tại Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 15 tháng 03 năm 2017)

### I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM TRƯỚC

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Sở Tài chính và các ban Ngành chức năng đã tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 đạt các chỉ tiêu so với kế hoạch như sau:

- Tổng doanh thu năm 2016: 57.688,4 triệu đồng, so với kế hoạch là 39.000 triệu đồng, đạt 147,91%. So với thực hiện năm 2015: 31.399 triệu đồng, đạt 183,72%. trong đó phát sinh ngoài kế hoạch doanh thu lâm sản theo Công văn : 3447/UBND – NN ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh về việc khai thác rừng sản xuất lâm ngư kết hợp tạo vành đai quản lý bảo vệ rừng tại khu vực Tam Giang III, ghi nhận doanh thu: 8.365 triệu đồng. Do đó thực hiện năm 2016: 49.331 triệu đồng so với kế hoạch 39.000 triệu đồng, đạt 126,48%.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2016: 18.629 triệu đồng, so với kế hoạch: 4.900 triệu đồng, đạt 380,18%; So với thực hiện năm 2015: 4.373 triệu đồng, đạt 426,0%; so với thực hiện năm 2014: 2.046 triệu đồng, đạt 910,51%, trong đó phát sinh ngoài xây dựng kế hoạch: **5.929 triệu đồng** tương ứng với doanh thu 8.365 triệu đồng. Do đó thu nhập chịu thuế thực hiện năm 2016: 12.700 triệu đồng, so với kế hoạch 4.900 triệu đồng, đạt 259,18%, nguyên nhân do chênh lệch doanh thu 10.331 triệu đồng so với kế hoạch chỉ chịu chi phí giá vốn nên lợi nhuận trước thuế tăng.

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2016: 14.519 triệu đồng, so với kế hoạch là 3.920 triệu đồng, đạt 370,38%; so với thực hiện năm 2015: 3.222 triệu đồng, đạt 450,62%; so với thực hiện năm 2014: 1.586 triệu đồng, đạt 915,45%.

Nhìn chung tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016 các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều tăng so với kế hoạch được giao nhằm góp phần cho Công ty năm 2016 hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

#### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

##### - Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển hoạt động sản xuất kinh doanh với ngành nghề Trồng, quản lý bảo vệ và phát triển rừng; Khai thác, chế biến lâm sản; Nuôi trồng thủy sản kết hợp lâm ngư trên lâm phần; Kinh doanh phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ khác. Đối với đặc thù của Công ty chủ yếu khai thác lâm sản là chính.

Thực hiện khai thác và tỉa thưa rừng đúng vị trí, ranh giới và diện tích cho phép, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật theo phương án thiết kế được duyệt. Kết quả thực hiện khai thác trồng: 186,8 ha (trong đó quốc doanh quản lý 88,8 ha, hộ dân: 98 ha), sản lượng 14.436,2 m<sup>3</sup>. Khai thác chọn rừng quốc doanh diện tích 64 ha, với sản lượng 805m<sup>3</sup>. Nguồn doanh thu của Công ty khai thác rừng là chính, với diện tích nêu trên làm ảnh hưởng đến doanh thu và khai thác trồng trong hộ dân chiếm 52,4% với tỷ lệ ăn chia lâm

sản khoảng 95%, từ đó làm ảnh hưởng đến một phần lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017.

**- Kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh cả năm**

- Tổng doanh thu năm 2017: 29.800 triệu đồng, so với thực hiện năm 2016: 57.688,4 triệu đồng, đạt 51,65 %.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2017: 2.700 triệu đồng, so với thực hiện năm 2016: 18.629 triệu đồng, đạt 14,49 %.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2016: 2.160 triệu đồng, so với thực hiện năm 2016: 14.519 triệu đồng, đạt 14,87 %.

Công ty bám sát các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao năm 2017, để thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

**- Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm**

Đặc thù của Công ty chủ yếu là trồng, quản lý bảo vệ và phát triển rừng, khai thác chế biến lâm sản chủ yếu là rừng đước. Thời gian chu kỳ sinh trưởng của cây đước đến khi khai thác từ 12- 20 năm tuổi. Từ đó Công ty có xây dựng phương án điều chế rừng giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2022 để làm cơ sở cho hoạt động sản xuất kinh doanh mang tính bền vững lâu dài. Về thị trường tiêu thụ sản phẩm, giá trị rừng đước chưa có thị trường cạnh tranh lành mạnh, chủ yếu tiêu thụ ở Phụng Hiệp – Hậu Giang, để chế biến than là chính.

**2. Kế hoạch đầu tư phát triển**

- Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh nghề rừng là chính, do đó thực hiện Quyết định số: 144/QĐ-SNN ngày 13/5/2013 của Sở NN&PTNT Cà Mau, về việc phê duyệt phương án điều chế rừng giai đoạn 2013 – 2022 và tình hình tài nguyên rừng của Công ty hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh nghề rừng giữ vững tính bền vững lâu dài trong thời gian tới.

Thực hiện Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển thành Công ty cổ phần Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Với diện tích đất quốc doanh giữ lại để Cổ phần hóa: 1.773,84 ha, chủ yếu tập trung chủ yếu ở địa bàn xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Từ đó Công ty hoạch định chiến lược tìm các nhà đầu tư để mở rộng mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cần phải có điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng, nên kế hoạch đầu tư trong thời gian tới xây dựng phương án chuyển đổi cổ phần hóa, xin chủ trương di dời trụ sở làm việc về khu vực Tam Giang III, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn cổ phần hóa.

Theo Phương án tổng thể được duyệt, 02 công ty lâm nghiệp (Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiển, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp U Minh Hạ) sẽ thực hiện cổ phần hóa. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2016 về việc cổ phần hóa, thành lập ban chỉ đạo cổ phần hóa. Theo kế hoạch, các bước cổ phần hóa sẽ được hoàn tất và chuyển thành công ty cổ phần trong năm 2017. Nhưng do đặc thù rừng của Công ty, hiện trạng rừng được trồng ở nhiều thời điểm khác nhau, rừng có nhiều cấp tuổi, trạng thái rừng không đồng nhất, nên việc xác định giá trị cây rừng cần thiết phải điều tra kiểm đếm ngoài thực địa, từ đó Công ty xin chủ trương thực hiện tổ chức lựa chọn nhà thầu xác định giá trị rừng, làm ảnh hưởng đến thời gian kéo dài nên lấy mốc tài chính quý I năm 2017 để xác định giá trị doanh nghiệp.

**III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

\* Các giải pháp thực hiện

1. Giải pháp về tài chính.

- Tăng cường quản lý tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xây dựng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý tài chính hiệu quả, trung thực, minh bạch, tin cậy tham mưu cho Chủ tịch và Ban giám đốc Công ty điều hành, lãnh chỉ đạo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Quan tâm công tác quản lý tài chính, đề phòng những rủi ro làm ảnh hưởng đến tài sản của Nhà nước.

- Vốn điều lệ Công ty bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo lộ trình hàng năm đến khi đủ vốn điều lệ được phê duyệt.

## 2. Giải pháp về sản xuất kinh doanh

- Căn cứ vào xây dựng Điều chế rừng của Công ty giai đoạn 2013 – 2022 để thực hiện diện tích khai thác, tĩa thừa rừng được Sở ban, ngành chức năng phê duyệt. Lộ trình sản xuất kinh doanh trong thời gian tới chuẩn bị cho cổ phần hóa Công ty tập trung xây dựng hoàn thành phương án cổ phần hóa, trong đó có kế hoạch cụ thể.

## 3. Giải pháp về marketing.

- Đặc thù của Công ty là kinh doanh nghề rừng với điều kiện nguồn tài nguyên, thiên nhiên sẵn có để mở rộng các dịch vụ sản xuất kinh doanh, tìm các nhà đầu tư chiến lược mở rộng các mô hình nông, lâm, ngư nghiệp.

## 4. Giải pháp về nguồn nhân lực.

- Xây dựng bộ máy tổ chức phù hợp với địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu chiến lược phát triển lâu dài, bền vững.

## 5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật.

- Đặc thù của Công ty là kinh doanh nghề rừng là chính, từng bước tìm các nhà đầu tư chiến lược để hoạch định kế hoạch áp dụng công nghệ - kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh. Hiện nay Công ty chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh theo chu kỳ luân chuyển, khép kín. Do đó phải hoạch định chiến lược tìm các nhà đầu tư để mở rộng mô hình nuôi trồng thủy sản, nuôi tôm công nghiệp theo quy trình khép kín.

## 6. Giải pháp về quản lý và điều hành.

- Sử dụng các công nghệ thông tin trong quản lý điều hành các hoạt động của Công ty.

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống quy chế, quy định quản lý điều hành của Công ty phù hợp với điều kiện thực tế, nhằm chuẩn hóa các hoạt động của Công ty theo hướng phát triển, có hiệu quả mang tính bền vững, lâu dài.

## 7. Giải pháp khác.

### BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
	- Sản lượng 1	M <sup>3</sup>	14,436,2
	- Sản lượng 2		
	.....		
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)		

3	Doanh thu	Tỷ đồng	29,8
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,7
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1,82
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	30,0
7	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1.000 USD	
8	Các chỉ tiêu khác		

Người lập biểu



*Nguyễn Cảnh Nguyên*

Kế toán trưởng



*Đinh Văn Diên*

Giám đốc




*Trần Ngọc Thảo*

## PHỤ LỤC V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

UBND TỈNH CÀ MAU  
CÔNG TY TNHH MTV  
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Tam Giang Tây, ngày 25 tháng 7 năm 2017

### Năm báo cáo 2017

#### 1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước: Sản phẩm sản xuất chủ yếu, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách, thực hiện sản phẩm công ích, kim ngạch xuất khẩu...

##### - Tổng doanh thu :

+ Năm 2016: 57,688 tỷ đồng so với thực hiện năm 2015: 31,399 tỷ đồng, đạt 183,72%.

+ Năm 2016: 57,688 tỷ đồng so với thực hiện năm 2014: 23,872 tỷ đồng, đạt 241,65%.

##### - Lợi nhuận trước thuế:

+ Năm 2016: 14,519 tỷ đồng so với thực hiện năm 2015: 4,373 tỷ đồng, đạt 332,01%.

+ Năm 2016: 14,519 tỷ đồng so với thực hiện năm 2014: 2,046 tỷ đồng, đạt 709,62%.

##### - Nộp ngân sách:

+ Năm 2016: 5.361 tỷ đồng so với thực hiện năm 2015: 2,002 tỷ đồng, đạt 267,78%.

+ Năm 2016: 5.361 tỷ đồng so với thực hiện năm 2014: 1,553 tỷ đồng, đạt 345,2%.

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước: Báo cáo về tình hình đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm của doanh nghiệp.

Trong 03 năm qua Công ty không có đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm, chủ yếu đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như: Đầu tư xây dựng cơ bản như trồng rừng mới, trồng rừng thay thế, chăm sóc rừng trồng và xây dựng công điều tiết nước phục vụ nuôi tôm, xây dựng các nhà làm việc tiểu khu bằng cây gỗ địa phương, lợp lá và đầu tư xây dựng năm 2016: 02 nhà làm việc cơ bản tại Tiểu khu 130 + 131. Đặc biệt năm 2014 xây dựng cơ bản nhà tập thể cán bộ công nhân viên trị giá 1,059 tỷ đồng.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...)

Trong 03 năm qua đặc thù của Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu khai thác rừng, nuôi trồng thủy sản là chính do đó không có đầu tư lớn, thay đổi chiến lược sản xuất kinh doanh, sản phẩm của Công ty chủ yếu là cây đước vận chuyển về Phụng Hiệp để chế biến than tiêu thụ là chính, do đó không có thị trường cạnh tranh.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

##### \* Thuận lợi:

- Trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2015 được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp & PTNT và sự hỗ trợ của các ban, ngành tỉnh Cà Mau; Huyện Ủy, UBND huyện Ngọc Hiển, Năm Căn tạo mọi điều kiện thuận lợi về chủ trương, chính sách cũng như các nguồn lực cần thiết để Công ty thực hiện nhiệm vụ trồng rừng, khai thác rừng và các mặt công tác khác một cách chủ động.

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiển đầu tư bằng vốn của Công ty nhằm mục tiêu tiết kiệm chi phí đầu tư, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Kết quả sản xuất kinh doanh công ty hoạch định chiến lược lâu dài, từng bước ổn định phát triển nghề rừng bền vững, luôn đặt ra các chỉ tiêu năm sau cao hơn năm trước, hàng năm đều đạt và vượt các chỉ tiêu mà cấp trên giao, từ đó tích lũy được vốn kinh doanh, nâng cao năng lực đầu tư cho phát triển.

**\* Khó khăn:**

- Với đặc thù là vùng sông nước lưu thông đi lại chủ yếu bằng đường thủy, cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn vùng rừng còn thấp kém, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý bảo vệ rừng hầu hết đều là vỏ máy; quy mô diện tích quản lý 20.569.51 ha, địa bàn quản lý khá rộng nằm trên địa giới hành chính 03 xã, 02 huyện Ngọc Hiển và Năm Căn nên việc thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng, khôi phục và phát triển rừng cũng như việc tổ chức sản xuất kinh doanh rừng còn gặp nhiều khó khăn.

- Tổng diện tích đất rừng tương đối lớn, đánh giá xác định giá trị tài sản rừng phải có thời gian để làm cơ sở xây dựng phương án chuyển đổi Công ty cổ phần hóa.

*đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).*

Hiện nay Công ty đang thực hiện chủ trương cổ phần hóa Công ty, đang thuê công tư tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để làm cơ sở xây dựng phương án cổ phần hóa. Trong giai đoạn tới Công ty tìm các cổ đông chiến lược để đầu tư mở rộng các dịch vụ sản xuất kinh doanh.

**BIỂU SỐ 1**

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Ước thực hiện năm báo cáo (năm 2017)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
a)	Sản lượng thương phẩm	M <sup>3</sup>	15.689,2	24.302	37.930	14,436
b)						
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	23,872	31,399	57,688	29,800
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,046	4,373	18,629	2,700
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1,553	2,002	5.361	1,82
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu					



**BIỂU SỐ 2****CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP***(Tóm tắt các quyết định quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)*

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)
01	Quyết định số: 308/QĐ-UBND	23/02/2010	Về việc chuyển đổi Công ty Lâm nghiệp Ngọc Hiến thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
02	Giấy đăng ký số 2000503134	08/07/2014	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
03	Quyết định Số 277/QĐ-UBND	26/02/2014	về việc bổ nhiệm Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Ngọc Hiến tỉnh Cà Mau
04	Quyết định số : 304/QĐ-UBND	02/03/2016	về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 đối với các Công ty TNHH MTV có vốn thuộc sở hữu Nhà nước

**BIỂU SỐ 3****THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY***(Chỉ thống kê các cuộc họp quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)*

TT	Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
01	Trần Ngọc Thảo	Chủ tịch kiêm giám đốc	23	0	0	100%
02	Nguyễn Văn Thành	P. giám đốc	06	0	0	100%

**BIỂU SỐ 4****THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY***(Chỉ nêu tóm tắt các cuộc họp quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)*

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
01	05/QĐ-Cty	02/24/2016	Thành lập tổ rà soát thủ tục hành chính
	06/QĐ-Cty	02/26/2016	Ban hành quy chế đấu giá khai thác lâm sản 2016
02	07/QĐ-Cty	01/03/2016	Thành lập tổ chỉ đạo thực hiện cổ phần hoá Cty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiến

03	21/QĐ-Cty	12/04/2016	Ban hành quy chế đấu giá khai thác lâm sản 2016
04	41/QĐ-Cty	03/31/2016	Xử lý công nợ Tài khoản 131
05	42/QĐ-Cty	03/31/2016	Xử lý chi phí hàng tồn kho
06	43/QĐ-Cty	03/31/2016	Xử lý công nợ Tài khoản 138
07	44/QĐ-Cty	03/31/2016	Xử lý công nợ Tài khoản 128
08	45/QĐ-Cty	03/31/2016	Xử lý công nợ Tài khoản 2228
09	71/QĐ-Cty	11/30/2016	Bổ nhiệm lại Kế toán trưởng

### III. Hoạt động của Kiểm soát viên:

#### 1. Hoạt động giám sát của Kiểm soát viên

##### 01. Hoạt động giám sát của Kiểm soát viên:

- Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn.
- Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại Công ty.
- Hoạt động đầu tư vốn đối với các dự án đầu tư tại Công ty.
- Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty.
- Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động.
- Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại Công ty, khả năng thanh toán nợ của Công ty, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.
- Giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận trên vốn Chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản.
- Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.
- Giám sát chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn Nhà nước tại Công ty, thực hiện quy chế quản lý tài chính tại Công ty.
- Giám sát thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi đối với người lao động, người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Bộ lao động -Thương binh và Xã hội.
- Các công việc có liên quan tại Công ty như: Khai thác, trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng, đất rừng....

##### 02. Các báo cáo của Kiểm soát viên:

#### Biểu số 5

#### THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

(chỉ nêu tóm tắt các báo cáo quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

TT	Số văn bản	Ngày	Nội dung
01	Số: 05/BC – 2016 - KSV	25/04/2016	Báo cáo thường kỳ hoạt động của Kiểm soát viên quý I/2016 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến.
02	Số: 06/BC – 2016 - KSV	27/07/2016	Báo cáo của Kiểm soát viên về việc: Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến.

03	Số: 07/BC – 2016 - KSV	27/07/2016	Báo cáo kết quả hoạt động của Kiểm soát viên 6 tháng đầu năm 2016.
04	Số: 08/BC – 2016 - KSV	27/07/2016	Báo cáo của Kiểm soát viên về việc thực hiện quỹ tiền lương của doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2016.
05	Số: 11/BC – 2016 - KSV	26/10/2016	Báo cáo thường kỳ hoạt động của Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến quý III năm 2016.
06	Số: 01/BC – 2017 - KSV	08/02/2017	Báo cáo kết quả hoạt động của Kiểm soát viên năm 2016.
07	Số: 02/BC – 2017 - KSV	16/02/2017	Báo cáo của Kiểm soát viên về việc thực hiện quỹ tiền lương của doanh nghiệp năm 2016.
08	Số: 03/BC – 2017 - KSV	30/03/2017	Báo cáo của Kiểm soát viên về việc: Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp năm 2016 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến.
09	Số: 04/BC - 2017 - KSV	30/03/2017	Báo cáo của Kiểm soát viên về việc: Xin trích các quỹ doanh nghiệp năm 2016 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến.

### BIỂU SỐ 6

#### THÔNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*(Chỉ nêu tóm tắt các giao dịch quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)*

TT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch
(1)	(2)	(3)	(4)
01	DNTN Gõ Tuần An	Bán cúp khai thác lâm sản	1.410.000.000
02	DNTN Gõ Tuần An	Bán cúp khai thác lâm sản	2.385.000.000
03	Công ty TNHH TM-DV Toàn Thịnh	Bán cúp khai thác lâm sản	2.530.000.000
04	DNTN Hữu Tâm	Bán cúp khai thác lâm sản	1.045.500.000
05	DNTN Hữu Tâm	Bán cúp khai thác lâm sản	2.600.000.000
06	DNTN Hoàng Nam Bắc	Bán cúp khai thác lâm sản	2.029.000.000
07	Công ty TNHH Thành Hưng	Bán cúp khai thác lâm sản	1.405.000.000
08	DNTN Gõ Tuần An	Bán cúp khai thác lâm sản	5.455.700.000
09	Công ty TNHH Thành Hưng	Bán cúp khai thác lâm sản	5.700.000.000
10	Công ty TNHH TM-DV Toàn Thịnh	Bán cúp khai thác lâm sản	5.093.055.000
11	DNTN Hoàng Nam Bắc	Bán cúp khai thác lâm sản	4.485.000.000
12	Công ty TNHH TM-DV Toàn Thịnh	Bán cúp khai thác lâm sản	4.412.890.000
13	Công ty TNHH Thành Hưng	Bán cúp khai thác lâm sản	1.055.000.000
14	DNTN Hoàng Nam Bắc	Bán cúp khai thác lâm sản	1.696.000.000

**BIỂU SỐ 2**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM**  
Tên Doanh nghiệp:  
(Năm báo cáo)

Bảng cân đối kế toán - Mẫu số B01-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
Báo cáo kết quả kinh doanh - Mẫu số B02-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ - Mẫu số B03-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
Bản thuyết minh báo cáo tài chính - Mẫu số B09-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
Ý kiến kiểm toán: Đã được kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016

**PHỤ LỤC X**

**BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỜNG CỦA DOANH NGHIỆP**  
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015  
của Chính phủ)

**UBND TỈNH CÀ MAU**  
**CÔNG TY TNHH MTV**  
**LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Tam Giang Tây, ngày 15 tháng 11 năm 2017

**1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp**

**a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp**

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định quỹ tiền lương, thưởng đối với người lao động, thực hiện theo Nghị định số 52/2016/NĐ-CP, ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Thông tư số: 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định quỹ tiền lương, thưởng đối với người quản lý doanh nghiệp, thực hiện theo Căn cứ Nghị định số: 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Thông tư số: 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do

Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

**b) Quỹ tiền lương kế hoạch**

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động

Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao năm 2016.. Xây dựng Quỹ tiền lương kế hoạch của lao động dựa trên cơ sở thực hiện theo Nghị định 51/2016/NĐ-CP và Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH trình các cấp thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở để chi trả lương.

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp

Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao năm 2016.. Xây dựng Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp dựa trên cơ sở thực hiện theo Nghị định 52/2016/NĐ-CP và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH trình các cấp thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở để chi trả lương.

**c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp**

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động

Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao so với kết quả thực hiện trong năm để làm cơ sở báo cáo giám sát tài chính, trích quỹ khen thưởng thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành như:

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp

Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao so với kết quả thực hiện trong năm để làm cơ sở báo cáo giám sát tài chính, trích quỹ khen thưởng thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành như:

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

**2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp**  
**BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2016**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước liền kề năm báo cáo		Năm báo cáo
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	<b>HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP</b>		I	I	I
II	<b>TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG</b>				
1	Lao động	Người	60	60	59
2	Mức tiền lương bình quân	1.000 đ/tháng	10.100	11.100	9.800
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	7.272	7.992	6.938
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng	1.818	1.998	1.734
5	Thu nhập bình quân	1.000 đ/tháng	11.780	12.950	12.250
III	<b>TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	5	4	4
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	23,4	38,7	23,49
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	2.106	1.861	1.127
4	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	35,1	38,7	23,49
5	Quỹ tiền thưởng	Triệu đồng	263,5	232,6	140,9
6	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng	2.369	2.093	1.267,9
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Triệu đồng/tháng	39,9	43,6	26,4

Người lập biểu



*Nguyễn Cảnh Nguyên*

Kế toán trưởng



*Đinh Văn Diên*

Giám đốc



*Trần Ngọc Thảo*

**PHỤ LỤC VIII**

**BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2015**  
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

**UBND TỈNH CÀ MAU  
CÔNG TY TNHH MTV  
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Tam Giang Tây, ngày 25 tháng 07 năm 2017

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016 đã được UBND tỉnh Cà Mau  
phê duyệt tại Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 15 tháng 03 năm 2017)

**I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP**

1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng thành viên)

**BIỂU SỐ 1**

**THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP**

TT	Ho và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí quản lý đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)					
I. HĐQT hoặc Chủ tịch công ty	Trần Ngọc Thảo	1968	Chủ tịch kiêm Giám đốc		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Cử nhân kinh tế	03 năm	Phó giám đốc	Điều hành hoạt động công ty

II. TGD hoặc GD									
III. Phó TGD hoặc PGD	Nguyễn Văn Thành	1959	Phó giám đốc		Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Cử nhân lâm sinh	14 năm	Phó giám đốc	Phụ trách kỹ thuật
IV. Kế toán trưởng	Đình Văn Điền	1979	Kế toán trưởng		Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Cử nhân kinh tế	06 năm	Phó phòng Kế toán	Quản lý tài chính

## 2. Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên

Công ty có một Kiểm soát viên do UBND tỉnh Cà Mau bổ nhiệm ông Võ Công Đoàn, Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Phân loại thành viên : Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

## 3. Thù lao và lợi ích của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng

- Tổng quỹ lương của Chủ tịch Công ty, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng năm 2016: 1.861.199.960 đồng.
- Quỹ khen thưởng của Chủ tịch Công ty, Phó giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng năm 2016: 232.649.000 đồng

## 4. Các chính sách bảo đảm trách nhiệm của đội ngũ quản lý

- Liệt kê các nguyên tắc về đạo đức của doanh nghiệp (nếu có).
- Liệt kê các chính sách khác của doanh nghiệp để bảo đảm đạo đức và trách nhiệm của đội ngũ quản lý (nếu có).

## 5. Về quản lý rủi ro

Hướng dẫn về quản trị rủi ro của doanh nghiệp (mô tả tóm tắt nếu có).

## II. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

- Quyết định số: 308/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2010 của UBND tỉnh Cà Mau về việc chuyển đổi Công ty Lâm nghiệp Ngọc Hiến thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000503134 ngày 08 tháng 07 năm 2014 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau ( Thay đổi lần 2);

- Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2014 của UBND tỉnh Cà Mau về việc bổ nhiệm Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến;

- Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 đối với các Công ty TNHH MTV có vốn thuộc sở hữu Nhà nước.

Người lập biểu



*Nguyễn Cảnh Nguyên*

Kế toán trưởng



*Đinh Văn Diên*



Giám đốc



*Trần Ngọc Thảo*

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiền Cà Mau

**CÔNG VĂN BẢN**  
Số: 270  
Ngày: 12 tháng 6 năm 2017

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiền tại Tờ trình số 11/TTr-Cty ngày 17/5/2017 về việc thẩm định kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017; ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 27/SKHĐT-ĐKKD ngày 06/6/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiền, cụ thể như sau:

**1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

**1.1. Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính**

Thực hiện khai thác và tía thưa rừng đúng vị trí, ranh giới và diện tích cho phép, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật theo phương án thiết kế được duyệt. Kết quả thực hiện khai thác trắng: 186,8 ha (trong đó quốc doanh quản lý 88,8 ha, hộ dân: 98 ha), sản lượng 14.436,2m<sup>3</sup>. Khai thác chọn rừng quốc doanh diện tích 64 ha, với sản lượng 805m<sup>3</sup>. Nguồn doanh thu của Công ty khai thác rừng là chính, với diện tích nêu trên làm ảnh hưởng đến doanh thu và khai thác trắng trong hộ dân chiếm 52,4% với tỷ lệ ăn chia lâm sản khoảng 95%, từ đó làm ảnh hưởng đến một phần lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017.

**1.2. Kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh cả năm**

- Tổng doanh thu năm 2017: 29.800 triệu đồng, so với thực hiện năm 2016: 57.688,4 triệu đồng, đạt 51,65%.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2017: 2.700 triệu đồng, so với thực hiện năm 2016: 18.629 triệu đồng, đạt 14,49%.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2017: 2.160 triệu đồng, so với thực hiện năm 2016: 14.519 triệu đồng, đạt 14,87%.

Công ty bám sát các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh được giao năm 2017, để thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### 1.3. Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm

Đặc thù của Công ty chủ yếu là trồng, quản lý bảo vệ và phát triển rừng, khai thác chế biến lâm sản chủ yếu là rừng đước. Thời gian chu kỳ sinh trưởng của cây đước đến khi khai thác từ 12-20 năm tuổi. Từ đó, Công ty có xây dựng phương án điều chế rừng giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2022 để làm cơ sở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh mang tính bền vững lâu dài. Về thị trường tiêu thụ sản phẩm, giá trị rừng đước chưa có thị trường cạnh tranh lành mạnh, chủ yếu tiêu thụ ở Phụng Hiệp - Hậu Giang, để chế biến than là chính.

## 2. Kế hoạch đầu tư phát triển

### BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
	- Sản lượng 1	m <sup>3</sup>	14,436,2
	- Sản lượng 2		
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)		
3	Doanh thu	Tỷ đồng	29,8
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,7
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1,82
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	30,0
7	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1.000 USD	
8	Các chỉ tiêu khác		

Thực hiện Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiến chuyển đổi thành Công ty cổ phần Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối hoặc Công ty TNHH hai thành viên. Với diện tích đất quốc doanh giữ lại: 1.773,84 ha, chủ yếu tập trung chủ yếu ở địa bàn xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Từ đó Công ty hoạch định chiến lược tìm các nhà đầu tư để mở rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, cần phải có điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng, nên kế hoạch đầu tư trong thời gian tới xây dựng phương án sắp xếp, chuyển đổi, xin chủ trương di dời trụ sở làm việc về khu vực Tam Giang III, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh trong giai đoạn chuyển đổi.

### **3. Giải pháp thực hiện**

#### **3.1. Giải pháp về tài chính**

- Tăng cường quản lý tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh. Xây dựng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý tài chính hiệu quả, trung thực, minh bạch, tin cậy tham mưu cho Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty điều hành, lãnh chỉ đạo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Quan tâm công tác quản lý tài chính, đề phòng những rủi ro làm ảnh hưởng đến tài sản của Nhà nước.

- Vốn điều lệ Công ty bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo lộ trình hàng năm đến khi đủ vốn điều lệ được phê duyệt.

#### **3.2. Giải pháp về sản xuất**

Căn cứ vào xây dựng Điều chế rừng của Công ty giai đoạn 2013 - 2022 để thực hiện diện tích khai thác, tía thừa rừng được sở, ban, ngành chức năng phê duyệt. Lộ trình sản xuất, kinh doanh trong thời gian tới chuẩn bị cho chuyển đổi, Công ty tập trung xây dựng hoàn thành phương án chuyển đổi, trong đó có kế hoạch cụ thể.

#### **3.3. Giải pháp về Marketing**

Đặc thù của Công ty là kinh doanh nghề rừng với điều kiện nguồn tài nguyên, thiên nhiên sẵn có để mở rộng các dịch vụ sản xuất, kinh doanh, tìm các nhà đầu tư chiến lược mở rộng các mô hình nông, lâm, ngư nghiệp.

#### **3.4. Giải pháp về nguồn nhân lực**

- Xây dựng bộ máy tổ chức phù hợp với địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu chiến lược phát triển lâu dài, bền vững.

#### **3.5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật**

Đặc thù của Công ty là kinh doanh nghề rừng là chính, từng bước tìm các nhà đầu tư chiến lược để hoạch định kế hoạch áp dụng công nghệ - kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh. Hiện nay, Công ty chủ yếu hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chu kỳ luân chuyển, khép kín. Do đó, phải hoạch định chiến lược tìm các nhà đầu tư để mở rộng mô hình nuôi trồng thủy sản, nuôi tôm công nghiệp theo quy trình khép kín.

#### **3.6. Giải pháp về quản lý và điều hành**

- Sử dụng các công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty.

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống quy chế, quy định quản lý, điều hành của Công ty phù hợp với điều kiện thực tế, nhằm chuẩn hóa các hoạt động của Công ty theo hướng phát triển, có hiệu quả mang tính bền vững, lâu dài.

Điều 2. Giao Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiền tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017 đảm bảo đạt, vượt chỉ tiêu đã được phê duyệt nêu trên.

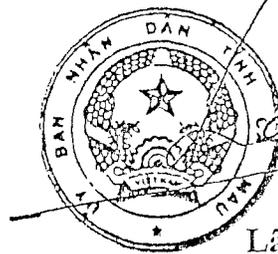
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hiền và Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh (Th);
- Phòng KT (T6/01);
- Lưu: VT. Tr 18/6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lâm Văn Bi

**CÔNG TY TNHH MTV  
LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN**

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016**



**MỤC LỤC**

**Trang**

01. Báo cáo của Hội đồng thành viên	1 - 2
02. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
03. Bảng cân đối kế toán	5 - 8
04. Báo cáo kết quả kinh doanh	9
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
06. Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 26

SA  
CH  
ÔN  
KI  
SA  
SA

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN**

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY**

Chủ tịch Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016.

**1. Chủ tịch và Ban giám đốc công ty**

Chủ tịch và Ban giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính 2016 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Trần Ngọc Thảo
- Ông Nguyễn Văn Thành

Chức vụ

- Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty
- Phó Giám đốc

**2. Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Võ Công Đoàn

Chức vụ

- Kiểm soát viên

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Trồng, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. Trồng rừng và chăm sóc rừng. Khai thác, chế biến lâm sản;
- Khai thác thủy sản nội địa, nuôi trồng thủy sản kết hợp trên lâm phần;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ khác.

**4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.**

**5. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 26.

**6. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kê toán năm: Không có**

**7. Kiểm toán**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN**

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY**

---

- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**9. Phê duyệt báo cáo tài chính**

Chủ tịch công ty công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Thay mặt Chủ tịch công ty**

**Trần Ngọc Thảo**  
Chủ tịch Công ty  
Ngày 23 tháng 03 năm 2017



Số: 38/2017/SVCT-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Chủ tịch công ty, Ban Giám đốc**  
**Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiền**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiền ("Công ty"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2017, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Do đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận đầy đủ các thư xác nhận số dư tại ngày 31/12/2016 của các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng số tiền 1.127.139.000 đồng, các khoản phải thu ngắn hạn khác số tiền 811.890.124 đồng, các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn số tiền 1.654.957.000 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán thay thế khác để có thể kiểm chứng được tính có thực số dư của khoản công nợ nêu trên.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn: "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiến tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Quang Nhơn**  
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2013-107-1

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt**  
Cần Thơ, ngày 23 tháng 03 năm 2017

**Đặng Thị Thiên Nga**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0462-2013-107-1

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN**

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44.466.532.705</b>	<b>29.439.192.703</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>42.445.282.060</b>	<b>21.757.110.481</b>
1. Tiền	111		1.395.282.060	207.110.481
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.050.000.000	21.550.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.2</b>	<b>1.884.286.552</b>	<b>2.490.084.563</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.262.622.000	1.725.596.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		426.990.391	741.347.374
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	42.597.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.240.327.285	1.418.614.359
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.045.653.124)	(1.438.070.170)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.3</b>	-	<b>5.060.604.981</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	5.060.604.981
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>V.4</b>	<b>136.964.093</b>	<b>131.392.678</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		116.736.574	9.455.866
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	99.949.294
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		20.227.519	21.987.518
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN**

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.520.138.555</b>	<b>4.288.697.733</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	V.5	<b>4.913.153.024</b>	<b>3.302.287.538</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		4.913.153.024	3.302.287.538
<i>Nguyên giá</i>	222		12.182.098.063	12.368.280.936
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.268.945.039)	(9.065.993.398)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>46.027.818</b>
Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	46.027.818
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>606.985.531</b>	<b>940.382.377</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	606.985.531	940.382.377
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>49.986.671.260</b>	<b>33.727.890.436</b>

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN**

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.565.049.171</b>	<b>8.636.721.798</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>14.520.967.501</b>	<b>8.592.640.128</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	1.654.957.000	1.400.982.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	4.226.423.900	2.102.930.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	1.883.102.562	841.563.034
4. Phải trả người lao động	314		1.923.162.038	1.117.425.720
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	252.225.000	55.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	1.789.068.088	203.349.969
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.792.028.913	2.871.389.405
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>44.081.670</b>	<b>44.081.670</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	44.081.670	44.081.670
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN**

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>35.421.622.089</b>	<b>25.091.168.638</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.13	<b>35.149.338.666</b>	<b>22.860.614.450</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.566.087.962	13.566.087.962
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.525.756.704	9.237.032.488
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		57.494.000	57.494.000
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>272.283.423</b>	<b>2.230.554.188</b>
1. Nguồn kinh phí	431		112.324.311	2.070.595.076
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		159.959.112	159.959.112
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>49.986.671.260</b>	<b>33.727.890.436</b>



**Nguyễn Cảnh Nguyên**  
Người lập biểu



**Đinh Văn Điền**  
Kế toán trưởng




**Trần Ngọc Thảo**  
Giám đốc

Lập ngày 23 tháng 03 năm 2017

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN**

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	56.163.650.468	29.964.253.136
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10		56.163.650.468	29.964.253.136
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	31.592.337.895	19.217.138.494
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		24.571.312.573	10.747.114.642
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.317.032.453	1.311.253.623
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	7.181.571.811	7.340.169.998
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.706.773.215	4.718.198.267
11. Thu nhập khác	31	VI.5	207.732.990	123.945.408
12. Chi phí khác	32	VI.6	284.922.500	468.926.454
13. Lợi nhuận khác	40		(77.189.510)	(344.981.046)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.629.583.705	4.373.217.221
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	4.110.210.489	1.150.871.959
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>14.519.373.216</u>	<u>3.222.345.262</u>

Nguyễn Cảnh Nguyên  
Người lập biểu

Đinh Văn Điền  
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Thảo  
Giám đốc

Lập ngày 23 tháng 03 năm 2017

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN**

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		56.163.650.468	31.954.484.507
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(15.024.961.299)	(13.294.792.754)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.947.468.092)	(7.136.386.160)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.246.500.736)	(800.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		41.833.503.663	33.490.966.784
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(37.429.246.039)	(34.986.569.517)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>35.348.977.965</b>	<b>9.227.702.860</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(160.806.386)	(953.032.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.000.000.000)	(15.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.500.000.000	10.040.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	465.859.601
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	1.275.848.396
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(14.660.806.386)</b>	<b>(4.171.324.003)</b>

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỀN**

ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(81.587.880)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(81.587.880)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>20.688.171.579</b>	<b>4.974.790.977</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>21.757.110.481</b>	<b>16.782.319.504</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>42.445.282.060</b>	<b>21.757.110.481</b>

  
Nguyễn Cảnh Nguyên  
Người lập biểu

  
Đinh Văn Điền  
Kế toán trưởng

  
Trần Ngọc Thảo  
Giám đốc

Lập ngày 23 tháng 03 năm 2017



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Ngọc Hiển được chuyển đổi từ Lâm nghiệp Ngọc Hiển, theo quyết định số 308/QĐ-UBND do Chủ tịch Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cà Mau ký ngày 23 tháng 02 năm 2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000503134 ngày 08 tháng 07 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 08 tháng 07 năm 2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp, vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 là: 13.566.087.962.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Khai thác, chế biến lâm sản

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Trồng, quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. Trồng rừng và chăm sóc rừng. Khai thác, chế biến lâm sản;
- Kinh doanh dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ khác.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp:**

Thông tin về các công ty con và Công ty liên kết: không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có

**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và số dư của các tài khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra tại ngày 31/12/2016 của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục nêu trên được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao một số tài sản cố định vượt khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Loại TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20 năm
- Máy móc thiết bị	8 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	5 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	6 năm

#### 6. Thuế thu nhập doanh nghiệp

*Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng tại Công ty là 20%.

*Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng nhân với thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

**7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các khoản chi phí trả trước đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

**8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm, không phát sinh các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

**13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

**15. Nguyên tắc xác định chi phí tiền lương**

Tổng quỹ lương của Công ty năm 2016 được xác định theo quy định của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính Phủ, Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội và Công văn số 247/LĐTBXH-LĐTL của Sở Lao Động Thương Binh & Xã Hội tỉnh Cà Mau ngày 23/02/2017. Quỹ tiền lương của viên chức quản lý được trích lập căn cứ vào Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính Phủ và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 và căn cứ vào Quyết định số 341/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cà Mau ngày 01/03/2017.

**16. Số dư đầu năm**

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty Kiểm toán Sao Việt tại Cần Thơ.

**V.**

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	73.065.453	28.790.300
Tiền gửi ngân hàng	1.322.216.607 (a)	178.320.181
Các khoản tương đương tiền	41.050.000.000	21.550.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>42.445.282.060</u></b>	<b><u>21.757.110.481</u></b>

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Cà Mau	1.111.597	1.322.996
- Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Cà Mau	2.770.964	1.939.427
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Cà Mau	1.310.832.498	171.436.356
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Cà Mau	1.000.000	-
- Ngân hàng Vietinbank - CN Cà Mau	1.398.138	2.697.722
- Ngân hàng NN & PTNT - CN Cà Mau	975.227	923.680
- Ngân hàng TMCP Kiên Long - CN Cà Mau	1.285.745	-
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Cà Mau	1.714.056	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Cà Mau	1.128.382	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.322.216.607</u></b>	<b><u>178.320.181</u></b>

Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi VND có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại	41.050.000.000	21.550.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>41.050.000.000</u></b>	<b><u>21.550.000.000</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.262.622.000 (b)	1.725.596.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	426.990.391 (c)	741.347.374
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	42.597.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.240.327.285 (d)	1.418.614.359
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.045.653.124) (e)	(1.438.070.170)
<b>Cộng</b>	<b><u>1.884.286.552</u></b>	<b><u>2.490.084.563</u></b>

(b) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty CP CBTS&XNK Camimex	-	206.518.000
- Ông Trần Thanh Hùng	1.053.699.000	1.053.699.000
- HTX hầm than Bình Minh	-	71.329.500
- Ông Lưu Tấn Lực	31.866.667	31.866.667
- Ông Nguyễn Tiến Dũng	31.893.333	31.983.333
- Ông Võ Minh Chơn	9.680.000	9.680.000
- Ông Nguyễn Việt Nam	-	23.333.000
- Ông Nguyễn Văn Thống	20.000.000	20.000.000
- Ông Nguyễn Tấn Vĩnh	94.000.000	94.000.000
- Ông Nguyễn Chí Linh	-	9.000.000
- Ông Phan Văn Đức	-	23.500.000
- Ông Phạm Thành Bính	-	16.500.000
- Ông Hà Hoàng Nam	-	15.000.000
- Ông Đặng Quang Phúc	10.170.000	-
- Các khách hàng khác	11.313.000	119.186.500
<b>Cộng</b>	<b><u>1.262.622.000</u></b>	<b><u>1.725.596.000</u></b>

(c) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b><u>426.990.391</u></b>	<b><u>741.347.374</u></b>
- Ông Trần Ngọc Bé	90.000.000	90.000.000
- Trung Tâm Thông tin TM & MT Cà Mau	63.000.000	-
- Ủy Ban Nhân Dân xã Tam Giang Tây	60.000.000	-
- Ủy Ban Nhân Dân xã Tam Giang	50.000.000	-
- Ông Lê Thanh Thuận	50.000.000	-
- Ông Phạm Thanh Bình	47.971.391	47.971.391
- Ông Phạm Hòa Bình	30.419.000	30.419.000
- Ông Lê Quốc Tạo	28.000.000	-
- Ông Phan Văn Đức	7.600.000	10.000.000
- Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế XD Minh Tâm	-	400.000.000
- Ông Nguyễn Tấn Truyền	-	5.000.000
- Ông Đỗ Minh Tân	-	12.206.983
- Ông Nguyễn Thiện Lộc	-	10.000.000
- Ông Phan Văn Thanh	-	105.000.000
- Các nhà cung cấp khác	-	30.750.000
<b>Cộng</b>	<b><u>426.990.391</u></b>	<b><u>741.347.374</u></b>

(d) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ phần hóa	293.700.000	-
- Tạm ứng	70.400.000	316.440.000
- Các khoản ký quỹ, ký cược	-	
- Phải thu khác	876.227.285	1.102.174.359
* Phải thu của Cty TNHH MTV LN U Minh Hạ	703.698.124	703.698.124
* Đầu tư vương Quốc doanh	-	24.130.747
* Phải thu Lâm trường 184	-	23.049.966
* Ông Huỳnh Lừa	-	10.000.000
* Ông Huỳnh Trung Dũng	-	141.020.000
* Ông Nguyễn Hữu Huyền	35.666.000	35.666.000
* Ông Nguyễn Thanh Tâm	-	12.787.000
* Ông Mai Thanh Phùng	5.100.000	5.100.000
* Ông Lê Thanh Bình	-	10.000.000
* Ông Nguyễn Thành Trang	-	5.000.000
* Ông Nguyễn Văn Cường	-	8.289.000
* Ông Trương Chí Tâm	-	4.300.000
* Ông Trần Việt Khởi	-	5.200.000
* Ông Phạm Công Thức	13.330.000	13.330.000
* Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	83.326.161	49.906.777
* Phải thu của các cá nhân khác	35.107.000	50.696.745
<b>Cộng</b>	<b><u>1.240.327.285</u></b>	<b><u>1.418.614.359</u></b>

(e) Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số dự phòng</u>
- Nợ quá hạn trên 3 năm	1.045.653.124	100%	1.045.653.124
<b>Cộng</b>			<b><u>1.045.653.124</u></b>

**3. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	4.379.461.331
Thành phẩm	-	681.143.650
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>5.060.604.981</u></b>

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	116.736.574 (f)	9.455.866
Thuế GTGT được khấu trừ	-	99.949.294
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	20.227.519	21.987.518
<b>Cộng</b>	<b><u>136.964.093</u></b>	<b><u>131.392.678</u></b>

(f) Chi tiết số dư chi phí trả trước như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí công cụ dụng cụ	116.736.574	9.455.866
<b>Cộng</b>	<b><u>116.736.574</u></b>	<b><u>9.455.866</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

**5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

<i>Loại tài sản</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<b>Nguyên giá</b>	<b>12.368.280.936</b>	<b>2.398.819.220</b>	<b>2.585.002.093</b>	<b>12.182.098.063</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10.260.766.372	962.560.636	2.467.535.093	8.755.791.915
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.103.519.818	389.658.000	117.467.000	1.375.710.818
- Thiết bị quản lý	57.790.000	-	-	57.790.000
- Tài sản cố định khác	946.204.746	1.046.600.584	-	1.992.805.330
<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>9.065.993.398</b>	<b>787.953.734</b>	<b>2.585.002.093</b>	<b>7.268.945.039</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	7.752.612.227	565.709.805	2.467.535.093	5.850.786.939
- PT vận tải, TB truyền dẫn	334.669.944	121.780.563	117.467.000	338.983.507
- Thiết bị quản lý	32.506.489	8.427.828	-	40.934.317
- Tài sản cố định khác	946.204.738	92.035.538	-	1.038.240.276
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>3.302.287.538</b>			<b>4.913.153.024</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	2.508.154.145			2.905.004.976
- PT vận tải, TB truyền dẫn	768.849.874			1.036.727.311
- Thiết bị quản lý	25.283.511			16.855.683
- Tài sản cố định khác	8			954.565.054

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 5.141.448.617
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

- Mua trong năm	<u>Số tiền</u> 2.398.819.220
<b>Cộng</b>	<u><b>2.398.819.220</b></u>

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

- Thanh lý, nhượng bán	<u>Số tiền</u> 2.585.002.093
<b>Cộng</b>	<u><b>2.585.002.093</b></u>

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

- Khấu hao trong năm	<u>Số tiền</u> 787.953.734
<b>Cộng</b>	<u><b>787.953.734</b></u>

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

- Chuyển sang công cụ dụng cụ	<u>Số tiền</u> 2.585.002.093
<b>Cộng</b>	<u><b>2.585.002.093</b></u>

**6. Tài sản dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn	<u>Số cuối năm</u> 606.985.531 (g)	<u>Số đầu năm</u> 940.382.377
<b>Cộng</b>	<u><b>606.985.531</b></u>	<u><b>940.382.377</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

(g) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí thuê cải tạo vuông tôm	379.439.757	216.848.004
- Chi phí công cụ, dụng cụ	227.545.774	723.534.373
<b>Cộng</b>	<b><u>606.985.531</u></b>	<b><u>940.382.377</u></b>

**7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U Minh Hạ	1.053.699.000 (*)	1.053.699.000
- Văn phòng Huyện Ủy Ngọc Hiển	-	317.763.000
- Công ty TNHH Tín Đạt Ninh Thuận	-	29.520.000
- Xưởng may Cục Hậu Cần QK9	83.160.000	-
- Công ty TNHH Tư Vấn Thăng Long	4.400.000	-
- Ông Nguyễn Việt Bắc	404.745.000	-
- Ông Lê Công Uẩn	42.753.000	-
- Ông Nguyễn Hữu Quý	33.000.000	-
- Ông Nguyễn Tấn Vĩnh	25.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Thao	8.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.654.957.000</u></b>	<b><u>1.400.982.000</u></b>

(\*) Khoản phải trả ngắn hạn cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ này bằng với số tiền phải thu của Ông Trần Thanh Hùng. Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Ông Trần Thanh Hùng không đồng ý xác nhận khoản công nợ phải thu, phải trả này do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp U Minh Hạ và Ông Trần Thanh Hùng cho rằng hai khoản công nợ này sẽ được cân trừ nhau. Tuy nhiên, theo Báo cáo của kiểm toán Nhà Nước năm 2013 hai khoản công nợ này không được cân trừ nhau do không cùng đối tượng.

**8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH TMDV Toàn Thịnh	1.471.830.500	-
- DNTN Hữu Tâm	1.045.500.000	-
- Công ty TNHH Thành Hưng	9.093.400	-
- Hợp tác xã hầm than Bình Minh	-	2.102.930.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.226.423.900</u></b>	<b><u>2.102.930.000</u></b>

**9. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước**

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Cuối kỳ
<b>Phải nộp</b>	<b>841.563.034</b>	<b>6.693.058.430</b>	<b>5.651.518.902</b>	<b>1.883.102.562</b>
- Thuế GTGT	220.452.541	307.183.541	406.357.587	121.278.495
- Thuế TNDN	408.577.619	4.110.210.489	2.921.470.812	1.597.317.296
- Thuế TNCN	-	-	-	-
- Thuế tài nguyên	59.166.371	2.275.664.400	2.170.324.000	164.506.771
- Các loại thuế khác	153.366.503	-	153.366.503	-
<b>Phải thu</b>	<b>(21.987.518)</b>	<b>697.401.719</b>	<b>695.641.720</b>	<b>(20.227.519)</b>
- Thuế TNCN	(19.887.518)	697.401.719	695.641.720	(18.127.519)
- Các loại thuế khác	(2.100.000)	-	-	(2.100.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>819.575.516</u></b>	<b><u>7.390.460.149</u></b>	<b><u>6.347.160.622</u></b>	<b><u>1.862.875.043</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

**10. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí phương án sử dụng đất	126.225.000	-
- Chi phí vật tư, nhân công	71.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	55.000.000	55.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>252.225.000</u></b>	<b><u>55.000.000</u></b>

**11. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	10.822.716	28.183.507
- BHXH, BHYT, BHTN	-	248.090
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.665.897.000	62.570.000
- Phải trả Công ty Lâm Nghiệp 184	-	92.074.534
- Phải trả các nhà cung cấp khác	-	20.273.838
- Phải trả khác	112.348.372	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.789.068.088</u></b>	<b><u>203.349.969</u></b>

**12. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn</b>	<b><u>44.081.670</u></b>	<b><u>44.081.670</u></b>
- Kinh phí dự án tôm sinh thái	44.081.670	44.081.670
<b>Cộng</b>	<b><u>44.081.670</u></b>	<b><u>44.081.670</u></b>

**13. Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Vốn khác</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>13.566.087.962</b>	<b>1.423.083.094</b>	<b>6.239.087.478</b>	<b>4.809.086.666</b>
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	(1.423.083.094)	2.997.945.010	(1.574.861.916)
Tăng khác	-	-	-	-
Trích quỹ KT viên chức QL	-	-	-	(211.500.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(3.022.724.750)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>13.566.087.962</b>	<b>-</b>	<b>9.237.032.488</b>	<b>-</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	14.519.373.216
Tăng khác	-	-	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	12.288.724.216	(12.288.724.216)
Trích quỹ KT viên chức QL	-	-	-	(232.649.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(1.998.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>13.566.087.962</b>	<b>-</b>	<b>21.525.756.704</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

**14. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**

a) *Nợ khó đòi đã xử lý trong năm 2016:*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyễn Thành Trang	15.000.000	-
- Phạm Thị Hằng	5.000.000	-
- Nguyễn Văn Hạnh	3.241.000	-
- Mai Văn Biển	3.126.000	-
- Nguyễn Văn Tài	2.380.000	-
- Phạm văn út	2.500.000	-
- Phạm văn Téo	2.300.000	-
- Nguyễn Tấn Liệt	2.050.000	-
- Mã Thành Tài	2.000.000	-
- Lê Minh Sản	1.800.000	-
- Lê Minh Sản	500.000	-
- Nguyễn Việt Hoàng	2.925.000	-
- Lưu Thị Thu	2.625.000	-
- Nguyễn Văn Thu	201.000	-
- Phạm Văn Đoàn	1.800.000	-
- Phạm Văn Chung	900.000	-
- Trần Việt Khởi	3.000.000	-
- Trịnh Hoàng Cương	3.600.000	-
- Nguyễn	250.000	-
- Lê Hoàng Vũ	1.200.000	-
- Phạm Thành Bính	16.500.000	-
- Phạm Văn Sở	1.200.000	-
- Huỳnh Văn Liệt	2.200.000	-
- Trần Thanh Phong	90.000	-
- Trần Quốc Dương	1.400.000	-
- Hồ Quốc Trị	3.115.000	-
- Trần Văn Huỳnh	6.210.000	-
- Trần Thanh Phong	525.000	-
- Võ Văn Mung	505.000	-
- Trần Quốc Sơn	10.000	-
- Phạm Trung Khanh	1.645.000	-
- Nguyễn Văn Hùng	90.000	-
- Đặng Trung Nghĩa	1.150.000	-
- Phạm Văn Phong	3.000.000	-
- Trần Văn Hà	3.000.000	-
- Lê Trung Thành	1.000.000	-
- Hà Hoàng Nam	15.000.000	-
- Tô Công Bình	5.250.000	-
- Thái Văn Thuận	200.000	-
- Huỳnh Văn Cửa	1.000.000	-
- Tạ Văn Bửu	5.775.000	-
- Hứa Ngọc Giao	7.920.000	-
- Nguyễn Mỹ Hạnh	5.000.000	-
- Lý Hồng Diệu	6.300.000	-
- Ông Toàn	15.422.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

- Huỳnh Trung Dũng	141.020.000	-
- Nguyễn Văn Ba	7.133.200	-
- Dương Thị Thu Hà	1.602.400	-
- Trần Nho Hạnh	800.000	-
- Trần Quốc Việt	4.265.200	-
- Phùng Hữu Thi	1.000.000	-
- Nguyễn Vũ Khanh	1.000.000	-
- Phan Văn Hợp	250.000	-
- Lâm Thành Hiếu	2.400.000	-
- Nguyễn Thanh Tâm	12.787.000	-
- Nguyễn Thành Trang	5.000.000	-
- Nguyễn Văn Cường	8.289.000	-
- Trương Chí Tâm	4.300.000	-
- Trần Việt Khởi	5.200.000	-
- Vũ Hoàng Hải	500.000	-
- Sơn Tùng	2.500.000	-
- Lê Trung Thành	1.000.000	-
- Trần Thanh Hoá	2.700.000	-
- Nguyễn Minh Trí	100.000	-
- Huỳnh Hồng Vũ	4.448.000	-
<b>Cộng</b>	<b>366.199.800</b>	<b>-</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
- Doanh thu thành phẩm	54.645.808.850	28.589.626.849
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.517.841.618	1.374.626.287
<b>Cộng</b>	<b>56.163.650.468</b>	<b>29.964.253.136</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
- Giá vốn thành phẩm	31.592.337.895 (&)	19.211.570.494
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	5.568.000
<b>Cộng</b>	<b>31.592.337.895</b>	<b>19.217.138.494</b>

(&) Giá vốn lâm sản này bao gồm chi phí thiết kế phương án khai thác rừng với số tiền là 1.314.082.000 đồng. Đây là chi phí thiết kế khai thác và trồng rừng do nhân viên kỹ thuật của Công ty thực hiện ngoài giờ.

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	1.264.151.909	975.985.454
- Thu hoạt động tài chính khác	52.880.544	335.268.169
<b>Cộng</b>	<b>1.317.032.453</b>	<b>1.311.253.623</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	5.201.913.413	4.763.582.355
- Chi phí vật liệu quản lý	43.833.348	211.083.827
- Chi phí đồ dùng văn phòng	217.719.021	238.827.141
- Chi phí khấu hao TSCĐ	229.505.001	274.859.120
- Thuế, phí và lệ phí	167.558.591	121.643.879
- Chi phí dự phòng	94.000.000	768.996.607
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	418.752.615	193.578.756
- Chi phí bằng tiền khác	808.289.822	767.598.313
<b>Cộng</b>	<b>7.181.571.811</b>	<b>7.340.169.998</b>

**5. Thu nhập khác**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
- Thu nhượng bán, thanh lý TSCĐ	27.272.727	-
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	108.010.263	6.851.000
- Các khoản thu khác	72.450.000	117.094.408
<b>Cộng</b>	<b>207.732.990</b>	<b>123.945.408</b>

**6. Chi phí khác**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
- Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	284.922.500	468.926.454
<b>Cộng</b>	<b>284.922.500</b>	<b>468.926.454</b>

**7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	580.015.734	511.922.119
- Chi phí nhân công	17.927.148.649	13.575.148.700
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	561.748.733	535.944.273
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.640.640.509	6.209.069.200
- Chi khác bằng tiền	3.521.916.535	2.096.131.507
<b>Cộng</b>	<b>31.231.470.160</b>	<b>22.928.215.799</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNDN chịu thuế năm hiện hành.	4.110.210.489	1.150.871.959
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.110.210.489</b>	<b>1.150.871.959</b>

**9. Thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận**

<b>Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (1)</b>	-
<b>Lợi nhuận trước thuế năm nay (2)</b>	<b>18.629.583.705</b>
<b>Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế TNDN (3)</b>	<b>1.921.468.738</b>
- Chi phí khấu hao TSCĐ không có hóa đơn theo quy định	73.620.045
- Chi phí không liên quan đến doanh thu, thu nhập chịu thuế TNDN	1.847.848.693

<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN (4)</b>	-
<b>Lợi nhuận chịu thuế năm nay (5)=(2)+(3)-(4)</b>	<b>20.551.052.443</b>
- Lợi nhuận chịu thuế TNDN 20%	20.551.052.443
<b>Thuế TNDN</b>	<b>4.110.210.489</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (6)	4.110.210.489
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế (7)=(1)+(2)-(6)</b>	<b>14.519.373.216</b>
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	12.288.724.216
- Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	232.649.000
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.998.000.000
<b>Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	-

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1. **Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có

2. **Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** không có.

3. **Thông tin về các bên liên quan:** không có.

4. **Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán.

5. **Thông tin về hoạt động liên tục**

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

6. **Những thông tin khác**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	88,96%	87,28%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	11,04%	12,72%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	29,14%	25,61%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	70,86%	74,39%

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP NGỌC HIỂN  
ấp Tân Tạo, xã Tam Giang Tây, Huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

Đơn vị trình bày: VND

<b>Chi tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3,43	3,91
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	3,06	3,43
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,92	2,53
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất LN trước thuế trên doanh thu	%	33,17%	14,59%
- Tỷ suất LN sau thuế trên doanh thu	%	25,85%	10,75%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất LN trước thuế trên tổng tài sản	%	37,27%	12,97%
- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản	%	29,05%	9,55%
3.3 Tỷ suất LN sau thuế trên nguồn vốn CSH			
	%	41,31%	14,10%



**Nguyễn Cảnh Nguyên**  
Người lập



**Đinh Văn Điền**  
Kế toán trưởng



**Trần Ngọc Thảo**  
Giám đốc  
Lập ngày 23 tháng 03 năm 2017